

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC NGẠN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **74/2019/HNGĐ-ST**

Ngày: 12/9/2019

V/v: “ Tranh chấp hôn nhân gia đình”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phan Văn Thề.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Giáp Văn Phẩm.

2. Ông Nguyễn Tất Bấy.

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Đức Nhường - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn tham gia phiên toà:
Ông Nguyễn Đức Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 203/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2019 về việc tranh chấp “Hôn nhân gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lý Thị - Sinh năm 1978(Có mặt)

Trú quán: Thôn Đ L – T L – Lục Ngạn – Bắc Giang.

Bị đơn: Anh Phạm Sỹ H - Sinh năm 1979 (Vắng mặt)

Trú quán: Thôn Đ L – TL – Lục Ngạn – Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 26/4/2019 và những lời khai của nguyên đơn chị Lý Thị N, lời khai của bị đơn anh Phạm Sỹ H và trong quá trình xét xử, nội dung vụ án như sau:

Chị Lý Thị N và anh Phạm Sỹ H kết hôn với nhau vào tháng 5 năm 2003. Trước khi kết hôn hai bên có được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Chị N, anh H có đến Ủy ban nhân dân xã Tân Lập, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau ngày cưới chị N, anh H về chung sống cùng nhau ngay tại thôn Đồng Láy – Tân Lập – Lục Ngạn – Bắc Giang. Đến năm 2014 thì chị N, anh H phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chị N cho rằng do thường xuyên cãi nhau, anh H thường xuyên uống rượu, cờ bạc nhiều lần đập phá đồ đạc trong gia đình và thường xuyên đe dọa và đánh đập chị và các con. Chị đã nhiều lần bị anh H đánh đập tuy nhiên chị vẫn cố gắng nhẫn nhịn chịu đựng để các con trưởng thành, nhưng anh H không thay đổi. Anh H cũng cho rằng mâu thuẫn giữa hai vợ chồng là do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau làm cho tình cảm vợ chồng rạn nứt. Cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, thỉnh thoảng đánh cãi nhau, tình trạng trên kéo dài một thời gian đến nay. Anh H xác định anh cũng có chơi cờ nhưng không ảnh hưởng tới gia đình, việc chơi cờ của anh cũng là do một phần chị N gây ức chế cho anh. Đến nay chị N xác định tình cảm vợ chồng với anh H không còn. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H. Anh H chưa đồng ý ly hôn với chị N.

Về con chung: Chị N, anh H đều xác định có 04 con chung là: Cháu Phạm Thị H, sinh ngày 27/8/2004; Cháu Phạm Sỹ P, sinh ngày 19/9/2005; Cháu Phạm Thị N, sinh ngày 24/01/2007; Cháu Phạm Sỹ Bảo M, sinh ngày 19/8/2013. Vợ chồng ly hôn chị N nhận nuôi dưỡng 02 con chung là cháu Phạm Thị H và Phạm Sỹ P chị để anh H nuôi cháu Phạm Thị N và Phạm Sỹ Bảo M. Anh H cũng có nguyện vọng được nuôi hai con chung, con nào cũng được. Việc cấp dưỡng nuôi con chị N, anh H không đề nghị Tòa án giải quyết. Các cháu Phạm Thị H; Phạm Sỹ P và cháu Phạm Thị N đều trình bày nguyện vọng được ở với chị N.

Về tài sản chung, công nợ chung, ruộng canh tác: Chị N, anh H đều không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị N vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H. Về con chung chị xin nuôi hai con chung là cháu H và cháu N, vì các cháu là con gái ở với chị là phù hợp hơn, để anh H nuôi cháu P và cháu M. Chị không yêu anh H cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên toà anh H vắng mặt lần thứ hai, Hội đồng xét xử công bố lời khai của anh H, cháu H, cháu P và cháu N có trong hồ sơ vụ án.

Tại phiên toà Đại diện Viện kiểm sát phát biểu việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án và của các đương sự. Thẩm phán, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng, xác định đúng thẩm quyền, quan hệ pháp luật, thu thập chứng cứ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử thực hiện đúng nguyên tắc, trình tự tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định về quyền, nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định về quyền, nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ các Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 271; Điều 273; Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 51; Điều 53; Điều 56, Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ các Điều 6, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lý Thị N: Cho chị Lý Thị N được ly hôn với anh Phạm Sỹ H.

Về con chung: Giao cho chị Lý Thị N nuôi dưỡng, chăm sóc 02 con chung là cháu Cháu Phạm Thị H, sinh ngày 27/8/2004 và cháu Phạm Thị N, sinh ngày 24/01/2007. Giao cho anh Phạm Sỹ H nuôi dưỡng cháu Phạm Sỹ P, sinh ngày 19/9/2005 và cháu Phạm Sỹ Bảo M, sinh ngày 19/8/2013. Việc cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra xem xét giải quyết. Sau khi ly hôn chị N, anh H được quyền thăm nom con chung, không ai được ngăn cản chị N, anh H thực hiện quyền này.

Về án phí: Chị Lý Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: AA/2018/0005473 ngày 16/5/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về Thẩm quyền giải quyết vụ án và thủ tục tố tụng: Chị Lý Thị N khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn giải quyết ly hôn, nuôi con chung với anh Phạm Sỹ H. Đây là quan hệ tranh chấp hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa anh H vắng mặt lần thứ hai, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh H theo quy định của pháp luật nhưng anh H vẫn vắng mặt, do vậy Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh H theo thủ tục chung.

[2] Xét yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy: Về quan hệ hôn nhân: Chị N, anh H tự nguyện tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, không bị ai ép buộc, có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Lập, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang theo quy định của pháp luật, do vậy đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống chị N và anh H đều thừa nhận vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, đến nay không ai còn quan tâm tới ai. Chị N đề nghị giải quyết ly hôn anh H chưa đồng ý. Tại phiên tòa hôm nay chị N kiên quyết không muốn về đoàn tụ gia đình cùng anh H. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị N anh H mâu thuẫn là có thật, vợ chồng đã sống ly thân với nhau một thời gian đến nay mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tòa án cũng đã kiên trì hòa giải để cho hai bên về đoàn tụ gia đình nhưng không có kết quả. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn khởi kiện của chị N đối với anh H: Cho chị N được ly hôn với anh H.

[3] Về con chung: Chị N, anh H Đồng xác định có 04 con chung là : Cháu Phạm Thị H, sinh ngày 27/8/2004; Cháu Phạm Sỹ P, sinh ngày 19/9/2005; Cháu Phạm Thị N, sinh ngày 24/01/2007; Cháu Phạm Sỹ Bảo M, sinh ngày 19/8/2013. Vợ chồng ly hôn chị N có nguyện vọng được nuôi cháu H và cháu N còn lại cháu Phương và cháu M để anh H nuôi dưỡng, anh H cũng có nguyện vọng nuôi hai con chung cháu nào anh cũng đồng ý. Quá trình giải quyết vụ án các cháu H, cháu P và cháu N đều có nguyện vọng được ở với chị N. Hội đồng xét xử xét thấy hiện anh H chị N đều là lao động tự do có điều kiện kinh tế như

nhau do vậy việc giao con cho chị N nuôi dưỡng theo nguyện vọng của 03 cháu H, P, N sẽ không đảm bảo được việc chăm sóc giáo dục các cháu. Để đảm bảo cho việc chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung của chị N, anh H thì cần giao 02 con chung là cháu H và cháu N cho chị N nuôi dưỡng, cháu P và cháu M cho anh H nuôi là phù hợp Điều 81 Luật hôn nhân gia đình và phù hợp với nguyện vọng của chị N, anh H, đảm bảo tốt quyền lợi cho các cháu. Việc cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra xem xét giải quyết, vì các đương sự không yêu cầu.

[4] Về tài sản chung, công nợ chung, ruộng canh tác: Chị N, anh H không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử đặt ra không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Lý Thị N chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 271; Điều 273; Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 51; Điều 53; Điều 56, Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ các Điều 6, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lý Thị N: Cho chị Lý Thị N được ly hôn với anh Phạm Sỹ H.

Về con chung: Giao cho chị Lý Thị N nuôi dưỡng, chăm sóc 02 con chung là cháu Cháu Phạm Thị H, sinh ngày 27/8/2004 và cháu Phạm Thị N, sinh ngày 24/01/2007. Giao cho anh Phạm Sỹ H nuôi dưỡng cháu Phạm Sỹ P, sinh ngày 19/9/2005 và cháu Phạm Sỹ Bảo M, sinh ngày 19/8/2013. Việc cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra xem xét giải quyết, vì các đương sự không yêu cầu. Sau khi ly hôn chị N, anh H được quyền thăm nom con chung, không ai được ngăn cản chị N, anh H thực hiện quyền này.

Về án phí: Chị Lý Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số:

AA/2018/0005473 ngày 16/5/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn.

Báo cho đương sự có mặt biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Đương sự vắng mặt không có lý do chính đáng được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- Toà án ND tỉnh Bắc Giang
- Viện kiểm ND tỉnh Bắc Giang;
- Viện kiểm sát ND huyện Lục Ngạn;
- Nguyên đơn, bị đơn;
- Chi cục THA huyện Lục Ngạn.
- UBND xã Tân Lập, huyện Lục Ngạn;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phan Văn Thế